

Bài tập địa lí 12

Câu hỏi ôn tập về bài tập biểu đồ và các bài tập

Câu 1

Cho bảng số liệu dân số Việt nam qua các năm, hãy vẽ biểu đồ thích hợp và nhận xét sự gia tăng dân số Việt nam

năm	1901	1956	1981	1989	2001
Dân số (triệu người)	13	27,5	54,9	64,4	76,6

Câu 2:

Dựa vào bảng số liệu bình quân đất canh tác trên đầu người của Việt nam. Hãy vẽ biểu đồ và nhận xét đất canh tác trên đầu người và nhận xét.

Năm	1940	1960	1970	2000	2004
Bình quân đất canh tác trên đầu người (ha/ người)	0,2	0,16	0,15	0,13	0,12

Câu 3

Dựa vào bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta và rút ra kết luận cần thiết.

Thời kì	Tỉ suất sinh (%)	Tỉ suất tử	Tỉ lệ gia tăng tự nhiên
1919	40	25	1,5
1945	40	12	2,8
1975	40	12	2,8
1998	27,8	6,9	2,09

Câu 4

Dựa vào bảng số liệu cơ cấu đất đai của nước ta hãy vẽ biểu đồ cơ cấu đất đai của nước ta và nhận xét. Từ cơ cấu trên hãy nêu xu hướng phát triển của các nhóm đất trên (đơn vị %)

Đất nông nghiệp	28,4
Đất lâm nghiệp	5,2
Đất ở và đất chuyên dùng	6
Đất chưa sử dụng	30,4

Câu 5

Dựa vào bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ, nhận xét và giải thích về dân số và sản lượng lương thực của nước ta

Năm	1981	1983	1985	1989	1991	1995	1999
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	15,0	17,0	18,2	21,5	22,0	27,6	34,2
Dân số (triệu người)	54,9	57,3	59,8	64,4	67,7	73,9	76,3

Câu 6.

Năm	1981	1983	1985	1989	1991	1995	1999
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	15,0	17,0	18,2	21,5	22,0	27,6	34,2
Dân số (triệu người)	54,9	57,3	59,8	64,4	67,7	73,9	76,3

Dựa vào bảng số liệu trên hãy tính bình quân lương thực trên đầu người của nước ta
 Từ số liệu đó hãy vẽ 3 đường biểu diễn về sản lượng lương thực , dân số, bình quân lương thực trên đầu người. Lấy năm gốc 1981 là 100%

Câu 7

Dựa vào bảng số liệu xuất nhập khẩu của Việt nam qua các năm, hãy vẽ biểu đồ cột chồng về giá trị xuất nhập khẩu của nước ta. Thông qua biểu đồ này ta nhận xét tỉ lệ xuất nhập khẩu của nước ta. (đơn vị%)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
1980	20,5	79,5
1 990	46,6	53,4
1992	50,4	49,6
1 997	44,1	55,9

Câu 8

Dựa vào bảng số liệu bình quân lương thực đầu người của cả nước và Đồng bằng sông Cửu long

Năm	1996	1989	1992	1996	1999
Toàn quốc	301	332	349	388	448
Đồng bằng sông Cửu long	517	631	727	854	1012

Dựa vào bảng số liệu bình quân lương thực đầu người của cả nước đồng bằng sông cửu long (kg/ người)

a/ Hãy nhận xét bình quân lương thực đầu người của cả nước và Đồng bằng sông Cửu long.

b/ Nhận xét bình quân lương thực đầu người của cả nước và đồng bằng sông Cửu long.

Câu 9

Dựa vào bảng số liệu dân số và sản lượng lương thực của Việt nam qua các năm hãy vẽ biểu đồ thể hiện mối quan hệ giữa chúng và nhận xét.

Năm	1981	1983	1985	1989	1991	1995	1999
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	15,0	17,0	18,2	21,5	22,0	27,6	34,2
Dân số (triệu người)	54,9	57,3	59,8	64,4	67,7	73,9	76,3

Câu 10

Dựa vào bảng số liệu tổng sản phẩm trong nước hãy vẽ biểu đồ tổng sản phẩm trong nước và nhận xét

Năm	Tổng sản phẩm trong nước	Nông lâm ngư nghiệp	Công nghiệp xây dựng	Dịch vụ
1980	41955	16 252	9 513	16 190
1996	258 609	70 334	79 501	108 774

Câu 11

Dựa vào bảng số liệu sản lượng điện của nước ta, hãy vẽ đường biểu diễn sản lượng điện của nước ta và nhận xét.

Năm	1990	1992	1994	1996	1998	2001
Sản lượng điện (tỉ kw)	8 790	9 818	12 476	16 963	21 694	30 801

Câu 12

Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây hãy vẽ biểu đồ cơ cấu học sinh phổ thông phân theo cấp học và đưa ra nhận xét cần thiết.

Cấp học	Số học sinh (người)
Tổng số	17 806 682
Trong đó	
Tiểu học	10 063 025
Trung học cơ sở	5 768 843
Trung học phổ thông	1 974 814

Câu 13

Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện bình quân lương thực đầu người của cả nước và đồng bằng sông cửu long và đưa ra nhận xét về sản lượng lương thực của cả nước và đồng bằng sông cửu long (kg/người)

Năm	1986	1989	1992	1996	1999
Toàn quốc	301	332	349	388	448
Đồng bằng sông cửu long	517	631	727	854	1012

Câu 14

Vẽ biểu đồ cơ cấu các loại đất đai của nước ta và đưa ra nhận xét cần thiết.

Đất nông nghiệp 28.4%

Đất lâm nghiệp 35.2%

Đất chuyên dùng và đất thổ cư 6%

Đất chưa sử dụng 30.4%

Câu 15

Dựa vào bảng số liệu tổng sản phẩm trong nước hãy vẽ biểu đồ cơ cấu tổng sản phẩm trong nước và đưa ra nhận xét cần thiết

Năm	Tổng sản phẩm trong nước	Nông lâm ngư nghiệp	Công nghiệp xây dựng	Dịch vụ
1980	41955	16252	9513	16190
1996	258609	70334	79501	108774

Câu 16

Vẽ biểu đồ đường biểu diễn sản lượng điện của nước ta và đưa ra nhận xét cần thiết (triệu Kwh)

Năm	1990	1992	1994	1996	1998	2001
Sản lượng điện	8790	9818	12476	16962	21694	30801

Câu 17

Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện bình quân lương thực đầu người của đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu long và cả nước (kg/người)

Năm	Toàn quốc	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu long
1986	300	244	516
1998	331	315	631
1991	324	256	703
1992	348	346	727
1999	448	414	1012

Câu 18

Dựa vào bảng số liệu thống kê, hãy tính mật độ dân số trung bình vẽ biểu đồ phân bố dân cư Việt nam và đưa ra nhận xét sự phân bố trên

Các vùng kinh tế	Diện tích(nghìn km ²)	Dân số (triệu người)
Đông bắc bắc bộ	48 695.3	8.160
Đồng bằng sông Hồng	12 156.0	14.487
Tây bắc bắc bộ	54 277.99	4.648
Bắc trung bộ	51 174	10.042
Duyên hải nam trung bộ	45 190.8	8.234
Tây nguyên	56 082.8	3.210
Đông nam bộ	23 485	9.574
Đồng bằng sông Cửu long	39 569	16.372

Câu 19

Vẽ biểu đồ tỉ lệ dân thành thị và dân nông thôn của nước ta và nhận xét tỉ lệ dân thành thị và dân nông thôn của các vùng.

Vùng kinh tế	Tỉ lệ dân thành thị (%)	Tỉ lệ dân thành thị (%)
Bắc bộ	18	82

Bắc trung bộ	12	88
Nam trung bộ	26	72
Nam bộ	32	68

Câu 20

Vẽ các đồ thị thể hiện một số ngành công nghiệp của Việt nam và đưa ra nhận xét.

Năm	Điện (triệu kwh)	Than đá (nghìn tấn)	Phân hoá học (nghìn tấn)	Vải lụa (triệu mét)
1985	5230	5700	531	374
1988	6955	6860	500	384
1991	9307	4000	450	280
1993	10928	6300	661	225
1996	76962	9823	965	285
1999	2306	9097	1120	317

Câu 21

Vẽ biểu đồ tròn thể hiện tỉ lệ diện tích và tỉ lệ dân số của các vùng và nhận xét sự phân bố dân cư của nước ta. (Đơn vị %)

Vùng	Tỉ lệ diện tích	Tỉ lệ dân số
Đông bắc bắc bộ	17.7	10.9
Đồng bằng sông Hồng	3.7	19.4
Tây bắc bắc bộ	16.4	6.2
Bắc trung bộ	15.5	13.4
Duyên hải nam trung bộ	13.6	11.0
Tây nguyên	17	4.3
Đông nam bộ	7.1	12.8
Đồng bằng sông Cửu long	12	22.0

Câu 22

Vẽ biểu đồ cơ cấu các ngành kinh tế theo giá trị sản phẩm và nhận xét theo bảng số liệu thống kê dưới đây (Đơn vị tỉ đồng)

Khu vực	1991	1993	1995
Nông lâm thuỷ sản	31 058	40 796	63 219
Công nghiệp và xây dựng	18 252	39 472	66 804
Dịch vụ	27497	56 303	92 817
Tổng 3 khu vực	76 707	136 571	222 840

Câu 23

Dựa vào bảng số liệu dưới đây (đơn vị %)

Khu vực sản xuất	1991	1996
Nông lâm thuỷ sản	40.5	27.2
Công nghiệp và xây dựng	23.8	30.7
Dịch vụ	35.7	42.1

a/ Hãy vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước

b/ Nếu nhận xét và đưa ra nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu tổng sản phẩm trong nước

quan sát bảng số liệu dưới đây nhận xét và so sánh mật độ dân số của các vùng trong cả nước, từ đó đưa ra kết luận sự phân bố dân số Việt nam.

Khu vực	Mật độ dân số (người/ km ²)
Miền núi và trung du bắc bộ	120
Đồng bằng sông Hồng	1124
Bắc trung bộ	190
Duyên hải nam trung bộ	167
Tây nguyên	53
Đông nam bộ	378
Đồng bằng sông Cửu long	401

Câu 24

Dựa vào bảng số liệu dưới đây: cơ cấu dân số thành thị và dân số nông thôn (đơn vị%)

a/ Hãy vẽ biểu đồ cơ cấu dân thành thị và dân nông thôn

b/ Từ biểu đồ trên nhận xét cơ cấu dân thành thị và dân nông thôn của nước ta.

c/ Giải thích tại sao dân thành thị của nước ta còn thấp.

Năm	Dân thành thị	Dân nông thôn
1989	19.2	80.8
1999	23.5	76.5

Câu 25

Quan sát bảng số liệu dưới đây

a/ Hãy nhận xét về sự thay đổi diện tích cây trồng trong thời kì

b/ Cho biết trong các loại cây trồng cây nào có tốc độ tăng nhanh nhất

c/ Tính tỉ trọng về diện tích các loại cây trong mỗi năm

đ/ Cho biết xu hướng thay đổi tỉ trọng về diện tích từng loại cây trong từng năm

e/ Từ đó vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện tỉ trọng các loại cây trên

Năm	Tổng diện tích các loại cây trồng	Trong đó chia ra		
		Cây lương thực	Cây công nghiệp	Cây trồng khác
1990	9 040.0	7 110.7	1 199.3	730.0
1998	11 704.8	85 40.6	2 012.5	1 151.7

Câu 26

Căn cứ vào bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ cơ cấu phân theo cấp học và nêu nhận xét thích hợp

Cấp học	Số học sinh (nghìn người)
Tổng số	17 806 682
Trong đó	
Tiểu học	10 063 025
Trung học cơ sở	5 768 843
Trung học phổ thông	1 974 814

Câu 27

Cho bảng số liệu dưới đây: tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp phân theo hai nhóm A và B của Việt nam (đơn vị tỉ đồng)

Nhóm	1980	1985	1989	1990	1995	1998
Toàn ngành công nghiệp	100	100	100	100	100	100
Chia ra						
Công nghiệp nhóm A	37.8	32.7	28.9	34.9	44.7	45.1
Công nghiệp nhóm B	62.2	67.3	71.1	65.1	55.3	54.5

a/ Hãy vẽ biểu đồ thích hợp để thể hiện số tốt nhất sự thay đổi cơ cấu các ngành công nghiệp của nước ta trong thời kì trên

b/ Từ biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét về sự thay đổi cơ cấu các ngành công nghiệp của nước ta và giải thích tại sao lại có sự chuyển dịch đó.

Câu 28

Dựa vào bảng số liệu sản phẩm công nghiệp của ngành điện và than của Việt nam.

Năm	Điện	Than
1976	3064	5700
1985	5230	5700
1988	6955	6860
1990	8790	9823
1993	10928	
1996	16962	

1/ Hãy vẽ biểu đồ các ngành công nghiệp điện và than của Việt nam

b/ Nhận xét tình hình sản xuất than và điện của Việt nam

Câu 29

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp phân theo ngành của Việt nam trong thời gian trên và rút ra kết luận cần thiết

Năm	1995	1998
Tổng số	103 374,7	151223,3
Công nghiệp khai thác	13919,7	21117,8
Công nghiệp chế biến	83260,5	120665,5
Điện, gas và nước	6194,5	9440,0

Câu 30

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp của Việt nam và nêu nhận xét cần thiết.

Bảng cơ cấu giá trị sản phẩm công nghiệp phân theo vùng và lãnh thổ

Vùng	1977	1992	1999
Trung du và miền núi phía bắc	15.0	4.1	7.6
Đồng bằng sông Hồng	36.3	12.6	18.6
Bắc trung bộ	6.7	6.5	3.3
Duyên hải nam trung bộ	6.0	10.9	5.0
Tây nguyên	1.1	1.7	0.6
Đông nam bộ	29.6	35.8	54.8
Đồng bằng sông Cửu long	5.3	28.4	10.1

Câu 31

Dựa vào bảng thống kê dưới đây, hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu khối lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa phân theo loại hình vận tải và giải thích nguyên nhân dẫn đến cơ cấu đó. (Đơn vị%)

Loại hình vận chuyển	Đường sắt	Đường bộ	Đường sông	Đường biển	Đường hàng không
Khối lượng vận chuyển hàng hoá	1.3	80.6	17.6	0.1	0.4
Khối lượng vận chuyển hành khách.	4.2	64.4	22.4	8.9	0.1

Câu 32

Hãy vẽ đồ thị thể hiện nhịp độ gia tăng dân số trung bình năm của nước ta qua các năm và giải thích sự biến thiên của nó theo số liệu dưới đây. (Đơn vị%)

Các thời kì	1921	26	31	36	39	43	60	65	70	76	79	89
	1926	31	36	39	43	51	65	70	76	79	89	99
Tỉ lệ tăng dân số	1.86	0.69	1.39	1.09	3.06	0.5	2.93	3.24	3.0	2.16	2.1	1.7

Câu 33

Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ cơ cấu các mặt hàng xuất khẩu phân theo nhóm hàng của nước ta trong 2 năm. Nhận xét và giải thích sự thay đổi tỉ trọng của các mặt hàng

Mặt hàng	1985	1997
Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản	62.9	2574.0
Hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiểu thủ công nghiệp	235.5	3372.4
Hàng nông sản	273.2	2231.0
Hàng thủy sản	82.6	728.0
Hàng lâm sản và các mặt hàng khác	43.2	225.3

Câu 34

Cho bảng số liệu dưới đây (đơn vị %)

a/ Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp

b/ Nhận xét sự thay đổi trên

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Trồng trọt	Chăn nuôi	Dịch vụ nông nghiệp
1990	20666.5	16393.5	3701.0	572.0

1992	41892.6	33345.0	7500.3	1047.3
1995	85507.6	66793.8	16168.2	2545.6
1997	98852.3	76858.3	19287.0	2707.0
1998	107917.3	87618.5	17551.2	2747.6

Câu 34

Dựa vào bảng số liệu hãy vẽ biểu đồ hình cột thể hiện sản lượng lương thực bình quân đầu người của cả nước, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu long, từ đó rút ra kết luận và nhận xét. (đơn vị kg/người)

Năm	Toàn quốc	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu long
1989	331.0	315.7	631.2
1998	407.9	383.4	914.3

Câu 35.

Vẽ biểu đồ thể hiện mối quan hệ giữa xuất khẩu và nhập khẩu trong cơ cấu xuất nhập khẩu của nước ta theo bảng số liệu dưới đây. Hãy nhận xét tình hình xuất nhập khẩu trong thời gian trên.

Năm	Tỉ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu	Năm	Tỉ lệ xuất khẩu so với nhập khẩu
1988	41	1994	70
1990	87	1995	67
1991	89	1996	65
1992	102	1997	79
1993	76	1998	82

Câu 36

Cho bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ thể hiện tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong hai năm trên. (Tỉ đồng)

Năm	Nông-lâm ngư -nghiệp	Công nghiệp -xây dựng	Dịch vụ
1970	16 252	95 13	16 190
1997	77 520	92 357	125 819

Câu 37

Vẽ đồ thị thể hiện khối lượng hàng hoá vận chuyển của nước ta, nêu nhận xét và giải thích

Năm	khối lượng hàng hoá vận chuyển (nghìn tấn)
1990	53889
1992	64903
1995	87220
1996	100140
1997	122136
1998	118931

Câu 38

Cho bảng số liệu về giá trị xuất nhập khẩu của nước ta phân theo các châu lục trong các năm 1990 và 1997 (triệu đô la Mỹ)

Châu lục	1990		1997	
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Châu á	2404	2762	6017	9085
Châu âu	1202	1568	2207	1726
Châu mỹ	25	30	426	305
Châu phi và châu đại dương	46.	52	304	242

Anh chị hãy

a/ Vẽ biểu đồ thể hiện rõ nhất cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu của nước ta phân theo khu vực châu lục

b/ Qua biểu đồ nhận xét giá trị xuất nhập khẩu của nước ta.

Câu 39

Dựa vào bảng số liệu về diện tích các loại cây trồng (đơn vị nghìn ha)

Năm	Tổng số	Chia ra							
		Cây hàng năm				Cây lâu năm			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
Cây lương thực	Cây công nghiệp		Cây khác	Cây công nghiệp	Cây ăn quả		Cây khác		
1985	8556.8	7840.3	6833.6	600.7	406.7	716.5	477.6	217.7	21.2
1996	11031.1	9486.1	8271.5	694.3	574.3	1540.0	1107.0	385.1	52.9

a/ Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu diện tích cây trồng phân theo các loại cây

b/ Nhận xét sự chuyển dịch các loại cây trồng.